

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG QUÂN KHU 7
(10/12/1945 - 10/12/2020)

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, ngày 10/12/1945, tại Bình Hòa Nam (ở xã Bình Hoà Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ngày nay), Xứ ủy lâm thời Nam Bộ họp hội nghị mở rộng, quyết định tổ chức Nam Bộ thành ba khu 7, 8 và 9. Từ đây, tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ Khu 7 ra đời do đồng chí Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, đồng chí Trần Xuân Độ làm Chủ nhiệm Chính trị bộ¹ và ngày 10/12/1945 trở thành ngày truyền thống của Quân khu 7.

Từ những chiến sĩ Vệ quốc đầu tiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, được sự đùm bọc nuôi dưỡng của Nhân dân miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, Lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã phát triển thành một đội quân hùng hậu, rộng khắp, càng đánh càng mạnh, lập nên những chiến công hiển hách, góp phần cùng quân và dân cả nước lần lượt đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bảy mươi lăm năm qua, dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, cán bộ, chiến sĩ LLVT và Nhân dân trên địa bàn Quân khu 7, bằng mồ hôi, xương máu, sức lực và trí tuệ của mình luôn phát huy truyền thống vẻ vang **“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”** và **“Miền Đông gian lao mà anh dũng”**, **“Cực Nam bất khuất kiên trung”** đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Truyền thống **“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực, tự cường, đoàn kết quyết thắng”** mãi mãi là niềm tự hào, nguồn động viên to lớn đối với quân và dân Quân khu 7 trong thời kỳ mới.

I. VÀI NÉT VỀ ĐỊA BÀN QUÂN KHU 7

Quân khu 7 có diện tích 45.729,49 km², dân số : 22.045.168 người (gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước và Bình Thuận), có 2 huyện đảo là Phú Quý và Côn Đảo. Phía Bắc -Tây Bắc Quân khu có đường biên giới giáp nước bạn Campuchia với chiều dài 615 km, phía Đông Bắc giáp Quân khu 5, phía Tây giáp Quân khu 9, phía Đông Nam giáp biên Đông, bờ biển dài 302 km (chưa tính Phú Quý và Côn Đảo).

Địa bàn Quân khu 7 với 3 vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng, đô thị), có 07 tỉnh - thành phố nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam², kinh tế phát triển năng động thu hút một tỷ lệ lớn đầu tư nước ngoài. Không những có tiềm năng và vị thế vững vàng, mà còn là một trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng ở phía Nam và cả nước.

Trong lịch sử chiến tranh, chiến trường miền Đông và cực Nam Trung bộ là cầu nối giữa các chiến trường miền Trung và Tây Nam bộ và là một bộ phận cấu thành của thế trận chiến trường Nam Đông Dương.

¹ Theo quyết định ngày 15/11/1945 của TW về việc thành lập các khu trên cả nước; ngày 10/12/1945, Xứ ủy tổ chức Hội nghị quân sự tại Đức Huệ, chia Nam bộ thành 3 khu (Khu 7 miền Đông, Khu 8 miền Trung, Khu 9 miền Tây).

² Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa -Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Long An.

Miền Đông Nam bộ được lịch sử giao phó nhiệm vụ: **“Đi trước về sau”** trong cuộc chiến tranh giải phóng 30 năm của dân tộc. Mở đầu cuộc kháng chiến là ở miền Đông (Sài Gòn ngày 23/9/1945) và kết thúc cũng ở miền Đông (Sài Gòn ngày 30/4/1975).

Trong chiến tranh, ta xác định miền Đông là chiến trường thu hút tiêu diệt địch, Sài Gòn là trung tâm của phong trào đấu tranh đô thị và là điểm quyết chiến chiến lược cuối cùng, còn địch thì xác định miền Đông là vành đai bảo vệ đầu não sào huyệt cuối cùng, là chiến trường tập trung thực hiện biện pháp chiến lược **“tìm - diệt”**.

Ngày nay, trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, trên địa bàn Quân khu, tình hình chính trị-xã hội cơ bản ổn định, kinh tế tăng trưởng khá (*hàng năm khu vực này đóng góp trên 41% ngân sách cho cả nước*); Quốc phòng - An ninh được củng cố, tăng cường; đối ngoại ngày càng rộng mở. Hệ thống chiến lược về quân sự, quốc phòng được Đảng, Nhà nước ban hành, triển khai đồng bộ, tạo cơ sở thuận lợi xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng đạt kết quả tích cực; Nhân dân tin Đảng, đồng thuận với chính quyền, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ LLVT, ra sức thi đua yêu nước, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, với vị trí chiến lược quan trọng của cả nước, địa bàn Quân khu 7 vẫn là trọng điểm của âm mưu “diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH QUÂN KHU 7

Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ 2. Quân và dân Nam bộ, trước hết là quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã thay mặt cả nước đứng lên chiến đấu, cuộc chiến lan rộng ra khắp miền Đông và sau đó là miền Tây Nam bộ.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, ngày 10/12/1945, tại Bình Hòa Nam (*ở xã Bình Hoà Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ngày nay*), Xứ ủy lâm thời Nam Bộ họp hội nghị mở rộng, quyết định tổ chức Nam Bộ thành ba khu 7, 8 và 9. Từ đây, tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ Khu 7 ra đời do đồng chí Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, đồng chí Trần Xuân Độ làm Chủ nhiệm Chính trị bộ, và ngày 10/12/1945 trở thành ngày truyền thống của Quân khu 7.

Địa bàn Khu 7 khi thành lập gồm thành phố Sài Gòn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Đến tháng 12/1948 có quyết định thành lập khu Sài Gòn trực thuộc Bộ Tư lệnh Nam bộ thì Khu 7 chỉ còn lại các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Đến tháng 5/1950, Khu 7 và khu Sài Gòn - Chợ Lớn sáp nhập lại như cũ.

Tháng 6/1951, tổ chức chiến trường Nam bộ được chia thành 2 phân liên khu và 1 đặc khu. Đó là Phân liên khu miền Đông, Phân liên khu miền Tây (lấy sông Tiền làm ranh giới) và đặc khu Sài Gòn (*Các tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp thuộc Khu 5*).

Phân liên khu miền Đông gồm các tỉnh: Thủ Biên (*do Thủ Dầu Một và Biên Hòa sáp nhập*), Gia Định Ninh (*do Gia Định và Tây Ninh sáp nhập*) Bà Chợ (*do Bà Rịa và Chợ Lớn sáp nhập*), Mỹ Tho (*gồm Mỹ Tho, Gò Công và Tân An sáp nhập*). Long Châu Sa (*do phần Long Xuyên, phần Châu Đốc phía Đông sông Tiền và Sa*

Đéc sáp nhập). Toàn Nam bộ 20 tỉnh, lúc đó sáp nhập còn 10 tỉnh.

Sau Hiệp định Giơnevơ tháng 7/1954, chấp hành chỉ thị của trên, phần lớn các đơn vị bộ đội tập trung ở miền Đông, tập kết chuyển quân ra Bắc. Số cán bộ còn lại tiếp tục chuẩn bị lực lượng đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Hai phân khu miền Đông và miền Tây được lệnh giải thể chỉ còn giữ lại đặc khu Sài Gòn hoạt động bí mật.

Trong kháng chiến chống Mỹ, miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ thuộc chiến trường B2. Chiến trường B2 gồm Nam bộ, một phần cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên (*Lâm Đồng, Ninh Thuận và Đắc Lắc ngày nay*). B2 bấy giờ chia thành 4 khu: Khu 6 (*gồm phần cực Nam Trung bộ*), Khu 7, Khu 8, Khu 9.

Riêng ở địa bàn miền Đông Nam bộ từ tháng 5/1961 có 2 Quân khu: Quân khu 7 (*mật danh T1; gồm các tỉnh: Phước Ty, Long Khánh, Phước Long, Bình Long, Bình Dương, Tây Ninh, Biên Hòa, Bà Rịa*) và Quân khu Sài Gòn-Gia Định (*mật danh T4*).

Đến tháng 10/1967, để tổ chức lại chiến trường chuẩn bị cho đợt Tổng công kích Mậu Thân 1968 trên quyết định giải thể Khu 7 và Quân khu Sài Gòn-Gia Định, tổ chức khu trọng điểm với trung tâm là Sài Gòn, chia địa bàn miền Đông (*lúc này có thêm tỉnh Long An*) ra làm 6 phân khu, trong đó có 5 phân khu trong và ven đô, hình thành các mũi tiến công vào Sài Gòn. Phân khu 1 (*Bắc-Tây Bắc*), Phân khu 2 (*Tây-Tây Nam*), Phân khu 3 (*Tây Nam*), Phân khu 4 (*Đông Nam*), Phân khu 5 (*Đông-Đông Bắc*), Phân khu 6 (*Phân khu Trung tâm*) và tổ chức 2 Bộ Tư lệnh (*Bộ Tư lệnh tiền phương Bắc và Bộ Tư lệnh tiền phương Nam*).

Đến thời kỳ chống “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ (1969 – 1972), năm phân khu (1, 2, 3, 4, 5) sáp nhập còn 4 phân khu (*phân khu 2 và 3 sáp nhập thành phân khu 23*) và phân khu nội đô (*Trung tâm*). Đến 19/8/1972, do vị trí của chiến trường miền Đông Nam bộ là chiến trường quan trọng nên trên quyết định thành lập lại Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn-Gia Định. Quân khu 7 lúc này gồm các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, Phước Bình (*Phước Long - Bình Long*), Tây Ninh, Bình Dương, Long An.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất đi lên CNXH để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, ngày 2/7/1976 Quân ủy Trung ương quyết định giải thể Bộ chỉ huy Miền (B2), thành lập các Quân khu 5, Quân khu 7, Quân khu 9. Quân khu 7 gồm 7 tỉnh thành: *Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước*. Từ tháng 5/1999, Quân khu 7 có thêm 2 tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng.

III. NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CHIẾN ĐẤU, TRƯỞNG THÀNH

1. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Lực lượng vũ trang (LLVT) cách mạng miền Đông Nam bộ ra đời từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Cùng với quá trình phát triển của sự nghiệp kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được Nhân dân che chở, nuôi dưỡng, LLVT 3 thứ quân ở miền Đông Nam bộ lần lượt hình thành và gắn liền với các phong trào cách mạng của Nhân dân, gắn liền với từng bước đi của lịch sử dân tộc.

Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp đã nổ súng tấn công các trụ sở của chính quyền

cách mạng non trẻ Việt Nam tại Sài Gòn, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Như vậy, chỉ 21 ngày sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhân dân Nam Bộ chưa kịp hưởng niềm vui thanh bình, phải tiếp tục cầm súng đứng lên chiến đấu để giữ vững nền độc lập vừa giành được. Dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, quân và dân miền Đông Nam bộ, trước hết là quân và dân thành phố Sài Gòn đã anh dũng đứng lên kháng chiến. Trong hoàn cảnh khó khăn, bờ ngõ của buổi đầu đánh giặc, quân và dân Sài Gòn-Chợ lớn-Gia Định đã vây hãm quân địch trong thành phố, tạo điều kiện cho Nhân dân toàn miền củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng LLVT, xây dựng căn cứ địa, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài. Sau gần 15 tháng chiến đấu, quân và dân miền Đông Nam bộ đã hoàn thành nhiệm vụ “*đi trước*” mà lịch sử giao phó, góp phần làm đảo lộn kế hoạch chiến lược “*đánh nhanh, thắng nhanh*” của thực dân Pháp, tạo điều kiện về thời gian cho Nhân dân cả nước chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến một cách chủ động.

Từ năm 1947 đến năm 1950, địa bàn miền Đông Nam bộ là một trong những trọng điểm “*Bình Định*” của địch, một trong những hậu phương dự trữ chiến lược của chúng ở chiến trường Việt Nam. Quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã tập trung nỗ lực chống lại chính sách “*Bình Định*” của địch, chấn chỉnh và xây dựng LLVT 3 thứ quân, sáng tạo ra nhiều cách đánh độc đáo và có hiệu quả trong chống càn quét, trong phục kích giao thông, trong tiến công đồn bốt, cứ điểm, tháp canh và tổ chức chiến dịch lớn. Đây cũng là giai đoạn mà phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị phát triển mạnh mẽ chưa từng có. Cuộc kháng chiến được đẩy mạnh trên mọi mặt, góp phần đánh bại chính sách “*Bình Định*” của địch.

Giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trong điều kiện bị địch chia cắt, phong tỏa và càn quét liên miên (Nam bộ có ý nghĩa quan trọng đối với Pháp vì ở đây chứa đựng những quyền lợi trước mắt và lâu dài của Mỹ mà Pháp phải bảo vệ để đòi lấy viện trợ quân sự), quân và dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ giữ vững phong trào, khắc phục những lệch lạc hữu khuynh trong thực hiện phương châm ba vùng, đấu tranh giành giật sức người, sức của với địch.

Đẩy mạnh phong trào đấu tranh du kích, kết hợp với phong trào đấu tranh đô thị và “*địch nguy vận*” (Trung ương Cục miền Nam đã chủ động đề ra chủ trương “*chuẩn bị đón thời cơ mới*” bằng cách đẩy mạnh tấn công quân sự, chính trị kết hợp với “*địch nguy vận*” để phối hợp với chiến trường chính Bắc bộ), cầm chân địch tại chỗ, không ngừng mở rộng căn cứ địa và xây dựng cuộc sống mới mọi mặt ở vùng giải phóng, quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã từng bước giành lại thế chủ động, tạo thế, tạo lực, tích cực góp phần cùng quân và dân cả nước tiến công địch trong Đông-Xuân 1953-1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)

Từ sau Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ từng bước nắm chính quyền thống trị miền Nam Việt Nam, gạt Pháp và mọi thế lực thân Pháp, xây dựng bọng tay sai nguy quyền, nguy quân, thực hiện chính sách thực dân mới, tiến hành đánh phá quyết liệt cách mạng Miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã vững bước vào cuộc chiến đấu

trong mối tương quan lực lượng không cân sức, dần dần xây dựng lực lượng, cùng với đồng bào cả nước thực hiện cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ của dân tộc.

Ngay những ngày đầu bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong thế trận rất chênh lệch, nhưng Nhân dân miền Đông và cực Nam Trung bộ vẫn vững tin vào đường lối chủ trương của Đảng, kiên trì cuộc đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống “**tố cộng diệt cộng**”, chống càn quét, khủng bố, cướp đất, dồn dân. Vừa đấu tranh chính trị, vừa có ý thức chuẩn bị tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang. Sau khi Ban Quân sự và Đảng ủy Miền được thành lập (tháng 12/1956), do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến, ủy viên quân sự Xứ ủy phụ trách, công tác tích trữ vũ khí, xây dựng lại 2 căn cứ lớn: Dương Minh Châu, Chiến khu D và tranh thủ lực lượng của các giáo phái càng được đẩy mạnh, từng bước đưa đấu tranh vũ trang từ tự vệ lên Tuyên truyền diệt ác, tác chiến, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ. Tháng 06/1958, Bộ Tư lệnh miền Đông được thành lập; 15/02/1961 Quân giải phóng miền Nam công bố thành lập từ sự thống nhất các đơn vị lực lượng vũ trang cánh mạng. Từ đó phong trào đấu tranh và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang cách mạng càng phát triển mạnh mẽ.

Từ 1957 đến đầu năm 1961, các đơn vị đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông đã thực hiện một số trận đánh, đặc biệt trận đánh quận lỵ Dầu Tiếng (ngày 11/08/1958), sau 30 phút ta tiêu diệt và làm chủ toàn bộ căn cứ 1 tiểu đoàn lính “**cộng hòa**”, gây tiếng vang lớn trong toàn miền Đông và cả nước. Lần đầu tiên từ sau 1954, lực lượng vũ trang miền Đông chiếm được một chi khu quân sự địch. Trận đánh vào Trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy của Nhà Xanh (BIF) thị xã Biên Hòa do đặc công biệt động Biên Hoà thực hiện (ngày 09/07/1959), là trận đánh Mỹ đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ, diệt 2 tên cố vấn Mỹ³, ghi tên đầu tiên trong danh sách lính Mỹ tử trận ở Việt Nam, gây tiếng vang lớn ở chiến trường. Ngày 26/01/1960, lực lượng vũ trang miền Đông đánh trận Tua 2 (Tây Ninh) làm chủ căn cứ một trung đoàn chủ lực nguy, diệt và làm bị thương, bắt sống nhiều tên, thu nhiều vũ khí trang bị, mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở miền Đông. Trong cuộc Đồng khởi 1960, quân dân miền Đông và cực Nam Trung bộ đã đánh sụp nguy quyền cơ sở, giành quyền làm chủ phần lớn nông thôn (Thủ Dầu Một giải phóng 25/70 xã, Long An giải phóng 2/3 nông thôn, Kiến Tường phá tan gần hết khu trù mật dinh điền, Tây Ninh giải phóng 1/3 nông thôn, vùng ven Sài Gòn kiểm soát hơn 1/2 địa bàn phía Bắc, làm chủ vùng nông thôn Tây, Tây Nam thành phố...).

Từ 1961 đến giữa 1965, khi Mỹ-ngụy thay đổi chiến lược từ “**Chiến tranh đơn phương**” sang tiến hành “**Chiến tranh đặc biệt**”, quân dân miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung bộ vẫn giữ vững và phát triển quyền chủ động tiến công địch, nhanh chóng chuyển hướng chiến lược từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang ba thứ quân (du kích xã, bộ đội khu và bộ đội chủ lực Miền). Từ năm 1961 đến năm 1965, trên chiến trường miền Đông đã có những đơn vị chủ lực cấp tiểu đoàn, trung đoàn. Trên cơ sở

³ Thiếu tá Bael Buis và Trung sĩ Chester Ovmand

lực lượng phát triển, quân và dân miền Đông và cực Nam Trung bộ đã vận dụng linh hoạt phương châm hai chân, ba mũi, ba vùng⁴. Kết hợp tiến công với nổi dậy, tiêu diệt với làm chủ, sáng tạo nhiều hình thức phong phú của chiến tranh Nhân dân, đưa chiến tranh Nhân dân phát triển lên trình độ cao, tập trung phá **“Áp chiến lược”**, từng bước làm phá sản **“Quốc sách áp chiến lược”**, liên tiếp đánh bại các kế hoạch bình định của địch, giải phóng từng mảng nông thôn rộng lớn ở miền núi và đồng bằng; đồng thời kết hợp đẩy mạnh phong trào đô thị dẫn đến sự sụp đổ của chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm và sự khủng hoảng của chế độ tay sai của Mỹ.

Giai đoạn **“Chiến tranh đặc biệt”**, LLVT miền Đông và cực Nam Trung bộ đã đánh nhiều trận tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, tiêu biểu nhất là chiến dịch Bình Giã (từ ngày 02/12/1964 đến 07/01/1965), lần đầu tiên trên chiến trường B2 ta mở chiến dịch lớn cấp Sư đoàn.

Bình Giã là trận đánh lớn thứ hai sau Ấp Bắc, ta đánh bại chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận của Mỹ. Diệt và làm bị thương 1.755 tên. Lần đầu tiên ta diệt một tiểu đoàn dù thuộc lực lượng Tổng trừ bị của quân ngụy. Chiến dịch Bình Giã là trận đánh mạnh nhất làm sụp đổ **“chiến tranh đặc biệt”** của Mỹ. Đánh giá về tầm quan trọng của chiến dịch này, đồng chí Lê Duẩn viết: **“Với trận Ấp Bắc 1963 địch thấy khó thắng ta, sau chiến dịch Bình Giã, địch thấy có thể thua ta”**. Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì khẳng định: **“Chiến dịch Bình Giã đánh dấu sự thất bại về cơ bản của chiến tranh đặc biệt”**.

Giữa năm 1965, Đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, tiến hành cuộc **“Chiến tranh cục bộ”**, ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Miền Đông là chiến trường địch tập trung lực lượng cả Mỹ lẫn ngụy cùng khối lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh lớn nhất.

Chiến trường miền Đông lúc này đã có 3 Sư đoàn chủ lực Miền (Sư 9, Sư 5, Sư 7). Bộ đội chủ lực Khu 7 phát triển lên 2 trung đoàn, Quân khu Sài Gòn-Gia Định có 8 tiểu đoàn chủ lực, địa phương và đặc khu Rừng Sác được thành lập ngay sát nách Sài Gòn. Với lực lượng đã phát triển mạnh lại được sự chi viện của cả nước, quân dân miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung bộ đã chủ động xác định quyết tâm đánh Mỹ, diệt ngụy, vận dụng phương thức, phương châm tiến hành chiến tranh một cách linh hoạt, có hiệu quả, phát huy khả năng địa phương trong việc đảm bảo hậu cần tại chỗ, đặt cơ sở cho việc xây dựng và phát triển mạng lưới hậu cần Nhân dân trong chiến tranh, góp phần lần lượt đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất và lần thứ hai của địch, thực hành các cuộc tổng tiến công và nổi dậy trong năm 1968, đánh vào các sào huyệt của địch ở Sài Gòn, giành thắng lợi lớn, góp phần buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và chịu đàm phán với ta ở Pari.

Đến 1972, LLVT miền Đông thực hiện Chiến dịch Nguyễn Huệ. Hướng chính của chiến dịch là Bình Long, hướng nghi binh: Quốc lộ 22 Xamát. Hướng phối hợp: các địa phương khác trên toàn miền Đông. Ta huy động một lực lượng lớn gồm 3 sư đoàn, 4 trung đoàn, 6 tiểu đoàn bộ binh và 8 tiểu đoàn binh chủng phối hợp với quân dân các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 7.985

⁴ Hai chân: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; ba vùng: vùng thành thị, nông thôn và miền núi; ba mũi: Chính trị, quân sự và binh vận.

tên địch, diệt 5 Tiểu đoàn nguỵ, 16 Tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn thiết giáp, đánh quy Sư đoàn 5 nguỵ, giải phóng toàn bộ huyện Lộc Ninh và tuyến biên giới Đông Sài Gòn từ Lò Gò, huyện Tân Biên (*Tây Ninh*) đến Lộc Ninh, Bù Đăng (*Bình Phước*). Đây cũng là lần đầu tiên ta giải phóng hoàn toàn một huyện ở chiến trường B2 lúc đó.

Sau ngày ký Hiệp định Paris (27/01/1973), quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã nhanh chóng khắc phục những lúng túng ban đầu (*để cho địch lấn đất, chiếm dân*), kịp thời chuyển sang thế tấn công giành chủ động, thực hiện nhiều trận đánh đạt hiệu suất cao như trận Bến Tranh ở Dầu Tiếng, trận đánh kho xăng Nhà Bè (ngày 03/12/1973)... Ngày 20/7/1974 trên chiến trường miền Đông thành lập Quân đoàn 4 chủ lực Miền và thành lập thêm 2 Sư đoàn 3 và 6. Nhằm tạo thêm thế và lực mới, từ ngày 12/12/1974 đến 06/01/1975, ta quyết định mở chiến dịch đường 14 Phước Long, đồng thời các địa bàn khác như Tánh Linh, Võ Đắc⁵, Tây Ninh, Bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Sài Gòn cùng tiến công. Kết quả: sau 20 ngày chiến đấu, ta giải phóng đường 14, toàn tỉnh Phước Long, chiếm Đài quan sát của địch trên đỉnh núi Bà Đen, giải phóng trên 35.000 dân ở Hoài Đức, Tánh Linh và toàn Quận Tánh Linh. Lần đầu tiên ở miền Nam, ta giải phóng một Tỉnh mà địch không lấy lại được, Mỹ không dám can thiệp trở lại. Việc giải phóng Phước Long đã trở thành **“Đòn trinh sát chiến lược”**, tạo thêm cơ sở để Bộ Chính trị bàn về quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong năm 1976 hoặc 1975.

Từ chiến thắng Buôn Ma Thuột -Tây Nguyên và các chiến thắng ở miền Đông Nam Bộ, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 15 đã ra Quyết nghị (ngày 29/3/1975) về tổng công kích, tổng khởi nghĩa thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị. Theo đó, Ngày 07/4/1975, tại căn cứ Tà Thiết (*Tây Lộc Ninh*), Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh được thành lập.

Lực lượng tại chỗ được thông nhất lại (*gồm Sư đoàn 2 đặc công Miền, Lữ 316 đặc công biệt động, các lực lượng của Sài Gòn – Gia Định*). Riêng đặc công biệt động có 30 tiểu đoàn. Nhiệm vụ của các lực lượng tại chỗ là đánh chiếm các mục tiêu then chốt có thể chiếm được, phát động Nhân dân nổi dậy làm chủ, tạo mọi điều kiện tại chỗ để các quân đoàn tiến vào giải phóng Sài Gòn. Nhiệm vụ đặc biệt là chiếm giữ 14 cây cầu trên các ngã đường tiến về Sài Gòn (*chủ yếu do Lữ 316 đặc công biệt động và Trung đoàn đặc công 116 thực hiện*).

Thực lực chính trị vũ trang Sài Gòn – Gia Định trước Chiến dịch Hồ Chí Minh có: Nội thành 700 cán bộ, ngoại thành có trên 1.000 cán bộ, ngoài ra có 1.300 cán bộ đã tiếp cận nội đô sẵn sàng vào nội đô để phát động quần chúng nổi dậy. Nội thành và vùng ven có 1.290 đảng viên, có hơn 10.000 quần chúng nòng cốt, 40 lữ chính trị⁶ với hơn 7.000 quần chúng cơ sở, 400 tổ chức công khai và bí mật với gần 25.000 người do ta nắm. Biệt động: 70 tổ, 301 quần chúng có vũ trang, 30.000 quần chúng sẵn sàng nổi dậy, trên 3.300 du kích, và trên 300 tự vệ mật. Các đơn vị tập trung của LLVT tại chỗ và các đơn vị đặc công biệt động đã đến vùng ven.

⁵ Võ Đắc: xã Võ Đắc thuộc huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

⁶ Lữ chính trị là khu vực xung yếu, tạo được sự liên kết trong và ngoài thành, ở đó ta làm chủ, có cán bộ đảng viên, cơ sở và quần chúng cách mạng, có lực lượng an ninh làm nòng cốt, quần chúng cảm tình cách mạng và kháng chiến, dám che giấu, đùm bọc cán bộ, chiến sĩ cách mạng, địch bắt lực hoặc hai mặt trong việc kiểm soát.

Ngay sau khi có lệnh trong hai ngày 29 và 30/4/1975 quân dân miền Đông Nam Bộ đã cùng các binh đoàn chủ lực thực hiện cuộc tổng tiến công và nổi dậy thành công, kết thúc thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trong 5 cánh quân tiến vào Sài Gòn, có 2 cánh quân thuộc các lực lượng chiến đấu trên chiến trường Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đó là Quân đoàn 4 ở hướng Đông và Đoàn 232 (*trương đơng quân đoàn*) ở hướng Tây Nam.

Về nổi dậy: Quân chúng Sài Gòn, Gia Định đã nổi dậy ở 107 điểm (*31 điểm ở ngoại thành, 76 điểm ở nội thành*), 41 điểm nổi dậy sau khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng nhưng quân chủ lực ta chưa vào tới.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, riêng quân dân Sài Gòn - Gia Định đã diệt và làm tan rã 31.000 tên địch, bắt làm tù binh 12.619, chiếm 9 cầu, 21 chi khu quân sự và trụ sở tề, thu 12.275 súng và gần như toàn bộ hồ sơ của địch. Số ngụy quân lần lượt ra trình diện 400.000, số công an và cảnh sát 100.000. Việc này đã tạo thuận lợi cho ta giải phóng Sài Gòn nguyên vẹn và mọi sinh hoạt, trật tự an ninh thành phố đã ổn định ngay sau đó.

3. Chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế (1975–1989)

Sau 30/4/1975, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tham gia thực hiện nhiệm vụ quân quản, tổ chức sắp xếp lại lực lượng và tiến hành thành lập Quân khu 7 theo chỉ đạo của Trung ương.

Ngày 30/4/1977, cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam do bọn phản động Pôn-pốt tiến hành đã bắt đầu diễn ra quyết liệt, nhất là từ tháng 9 đến tháng 11/1977. Quân khu 7 vừa tổ chức lực lượng bảo vệ biên giới, vừa thực hiện nhiệm vụ giữ vững an ninh địa bàn.

Cuối năm 1978, đầu năm 1979, theo đề nghị của lực lượng cách mạng Campuchia và thông suốt chỉ thị của trên, lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã cùng các đơn vị bạn phối hợp với các lực lượng cách mạng Campuchia tiến hành cuộc phản công truy kích bọn Pôn-pốt, cứu Nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng.

Sau khi Campuchia hoàn toàn giải phóng (*ngày 07/01/1979*), Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang hướng Tây Nam tiếp tục giúp Cách mạng Campuchia bảo vệ thành quả cách mạng.

Cùng với các Quân khu 5, 9 và một bộ phận lực lượng chủ lực của Bộ, LLVT Quân khu 7 liên tục 10 năm giúp Bạn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ liên minh chiến đấu, giúp Nhân dân Campuchia hồi sinh, từng bước củng cố, xây dựng lực lượng đủ khả năng tự đảm đương nhiệm vụ của mình. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tháng 09/1989, các đơn vị thuộc Quân khu 7 (*MT 479 và 779*) cùng quân tình nguyện Việt Nam rút toàn bộ về nước.

Nhờ có sự giúp đỡ to lớn, chí tình của Quân tình nguyện Việt Nam, Bạn có đủ thế và lực để thực hiện một giải pháp có lợi cho sự ổn định và phát triển của đất nước Campuchia. Từ khi thực hiện tổng tuyển cử với sự giám sát của Liên hợp quốc (*1991*) đến nay, tình hình Campuchia ngày càng ổn định, an ninh biên giới được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của 2 nước và cho cả khu vực.

4. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ 1989 đến nay

Ngay sau khi rút hết quân về nước, Lực lượng vũ trang Quân khu đã khẩn trương điều chỉnh thể bố trí và tổ chức xây dựng lực lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Xác định nội dung hoạt động chống “diễn biến hòa bình” của địch là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, xử lý kiên quyết linh hoạt các kế hoạch gây bạo loạn lật đổ và phá hoại của các thế lực phản động, góp phần giữ vững an ninh chính trị, ổn định tình hình xã hội trên địa bàn Quân khu. Vừa sẵn sàng chiến đấu cao, các lực lượng vũ trang Quân khu vừa nỗ lực phối hợp với cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp xây dựng tiềm lực, lực lượng tổng hợp tại chỗ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đổi mới công tác quân sự địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ và thường xuyên tổ chức diễn tập trên từng địa bàn trọng điểm và toàn Quân khu.

Công tác quy hoạch tổ chức lực lượng được tiến hành một cách khẩn trương, thận trọng, sát với tình hình thực tế trên cơ sở tuân thủ sự chỉ đạo của cấp trên. Trong vòng 10 năm (1990-2000), Quân khu 7 đã ra sức xây dựng lực lượng thường trực bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có số lượng thích hợp, chất lượng cao và lực lượng dự bị động viên vững mạnh, quản lý chặt chẽ, sẵn sàng động viên nhanh gọn, đầy đủ khi có lệnh.

Tháng 5 năm 1999, Quân khu 7 được kiện toàn thêm một bước, hai tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng (thuộc Quân khu 5) chuyển về trực thuộc đội hình Quân khu 7. Từ đây, địa bàn Quân khu 7 bao gồm 09 tỉnh, thành (Lâm Đồng, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh), trải dài từ nam Tây Nguyên, cực Nam Trung Bộ đến đồng bằng sông Cửu Long.

Từ năm 1989 đến nay, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, LLVT Quân khu đã tăng cường phòng thủ sẵn sàng chiến đấu trên cả 3 tuyến: biển đảo, biên giới, nội địa. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Quân khu, đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an và chính quyền địa phương, giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vụ biểu tình bạo loạn năm 2014 tại Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu; năm 2018 ở Bình Thuận. Chủ động tiến hành các hoạt động tổng hợp, ngăn chặn vượt biên trái phép; phát hiện ngăn chặn, xóa bỏ các phần tử, tà đạo đội lốt tôn giáo hoạt động chống phá. Trong những năm gần đây, trước các hành động nhằm độc chiếm Biển Đông của nước ngoài, LLVT Quân khu đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương và các đơn vị có liên quan kiên quyết đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Quân khu, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đặc biệt, trong những năm gần đây, quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 chủ động nghiên cứu, nắm, dự báo tình hình, kịp thời tham mưu với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng những vấn đề chiến lược về quốc phòng, an ninh và tổ chức thực hiện phù hợp với thực tiễn, tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện. Sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân

trên địa bàn Quân khu được phát huy mạnh mẽ. Chăm lo củng cố quốc phòng an ninh đã trở thành nhu cầu tự giác của mọi cấp, mọi ngành, mọi người. LLVT Quân khu được xây dựng theo hướng tinh gọn, mạnh, cơ động, linh hoạt, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tiềm lực trong khu vực phòng thủ không ngừng được củng cố, tăng cường; trong đó, tiềm lực chính trị, tinh thần được đặc biệt coi trọng và được cấp ủy, chính quyền và LLVT Quân khu dày công xây dựng. Nổi bật là, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và toàn dân đối với nhiệm vụ quốc phòng từng bước được nâng lên; “thế trận lòng dân” được giữ vững. Hoạt động của hệ thống chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang có chuyên biến tích cực. Công tác chính sách xã hội, hậu phương Quân đội được quan tâm; đời sống Nhân dân có nhiều khởi sắc. Kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng đề ra đối sách phù hợp, xử lý linh hoạt, đúng đắn các tình huống phức tạp, các vấn đề nhạy cảm về quốc phòng, an ninh trên địa bàn Quân khu, trong quan hệ đối ngoại với Campuchia, không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược, đồng thời không để cho các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá. Nhiều đề án, chương trình, mô hình mới, cách làm sáng tạo được Quân khu và các địa phương phối hợp thực hiện có hiệu quả⁷; chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang Quân khu được nâng lên, bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

5. Truyền thống vẻ vang của LLVT Quân khu

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, sự nuôi dưỡng và đùm bọc của Nhân dân, trải qua 75 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành Quân khu 7 đã lập nên những chiến công hiển hách, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Các thế hệ cán bộ, chiến sỹ đã xây đắp nên truyền thống vẻ vang **“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”**. Truyền thống đó được thể hiện rõ ở những nét tiêu biểu sau đây:

Một là, lực lượng vũ trang Quân khu luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc.

Do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập, rèn luyện, LLVT Quân khu 7 luôn luôn chấp hành tốt đường lối và chính sách của Đảng. Mặc dù ở xa Trung ương nhưng mỗi cán bộ chiến sỹ ở miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ luôn hướng về Việt Bắc, hướng về Thủ đô Hà Nội với niềm tin tuyệt đối vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong những ngày khó khăn của buổi đầu kháng chiến (1945-1946), của thời kỳ bão lụt và bị kẻ thù bao vây quyết liệt (1952-1953), của những trận đói, sốt rét và

⁷ Đề án Đối ngoại Quốc phòng của Quân khu; đề án xây dựng lực lượng quân báo trinh sát; đề án xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức vững mạnh toàn diện; đề án xây dựng lực lượng dự bị động viên; đề án mua sắm công cụ hỗ trợ cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ A, A2; đề án xây dựng lực lượng 47 đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch và những thông tin xấu độc trên không gian mạng; “Xây dựng chốt dân quân thường trực biên giới đất liền” và “xây dựng khu dân cư liên kề chốt dân quân biên giới”; “Xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt trong khu dân cư và công nhân trong các khu công nghiệp”; “Đơn vị 3 nhất”; “Cán bộ, đảng viên điu dắt quần chúng và cấp dưới”; “5 chủ động trong công tác tư tưởng”; “Chi bộ 5 tốt, đảng viên 5 tốt”, “Chi đoàn 4 tốt, 1 nghiêm”; “3 chuyên cần, 5 mẫu mực”; “Xây dựng trụ sở quân sự xã, phường”...

bom đạn quân thù hủy diệt sau tết Mậu Thân (1969-1970), của những ngày chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam (1977-1978), của giai đoạn biến động chính trị phức tạp ở Liên Xô và các nước Đông Âu (1989-1991) LLVT Quân khu vẫn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, giữ vững lòng tin vào thắng lợi cuối cùng để vượt qua và lập nên những thành tích ngày một cao hơn. Hình ảnh người chiến sỹ Vệ Quốc đoàn khu 7 bị cưa chân bằng cưa thợ mộc vẫn hát Quốc ca, anh Nguyễn Văn Trỗi hô vang “Hồ Chí Minh muôn năm” trước lúc bị bắn và hàng triệu tấm gương hình ảnh anh dũng khác là biểu tượng sinh động về lòng trung thành vô hạn của LLVT Quân khu 7 đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng của Nhân dân.

Phát huy truyền thống “Trung thành vô hạn”, trong tình hình mới, LLVT Quân khu luôn kiên định mục tiêu, con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; gắn bó mật thiết với Nhân dân trên địa bàn, cảnh giác trước âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển, đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao cho.

*Hai là, luôn nêu cao tinh thần **chủ động sáng tạo, tự lực tự cường** vượt qua khó khăn, gian khổ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.*

Cũng từ đặc điểm chiến trường ở xa Trung ương nên để kịp thời chớp lấy thời cơ tiến hành chiến đấu thắng lợi, quân dân miền Đông và Cực Nam trung bộ đã xây dựng nên nét truyền thống: “**chủ động sáng tạo, tự lực tự cường**”.

Khi quân Pháp trở lại gây hấn ở Nam bộ, nhân dân miền Đông đã chủ động đứng lên tổ chức kháng chiến giam chân địch tạo điều kiện cho cả nước chủ động bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Trong những năm đầu của giai đoạn chống Mỹ, địch không chịu thi hành hiệp định Giơnevơ, tập trung đánh phá cách mạng hết sức quyết liệt, nhân dân miền Đông một mặt thực hiện chỉ đạo của Đảng, tiến hành đấu tranh chính trị đòi địch thi hành hiệp định, mặt khác chủ động xây dựng lực lượng, chuẩn bị đấu tranh vũ trang. Với các trận tiến công địch từ năm 1957 đến 1970 như trận **Đầu Tiếng** (1958), **Tua Hai** (tháng giêng 1960)... Miền Đông Nam bộ đã góp phần cùng **Bến Tre** (miền Tây) và **Trà Bồng** (miền Trung) đẩy lên cuộc đồng khởi trên toàn miền Nam và sau đó vững bước đi vào cuộc chiến đấu với **những cách đánh sáng tạo, hết sức độc đáo**. Chính cách đánh biệt động, đặc công xuất quỷ nhập thần đã ra đời trên đất miền Đông từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp và phát triển rực rỡ trong kháng chiến chống Mỹ. Phương châm “**nắm thắt lưng địch mà đánh**” đã nhanh chóng làm tan đi ấn tượng “**quân thù quá mạnh**” và làm dấy lên phong trào “**tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt**” trên khắp các chiến trường. Rồi sức mạnh của “**3 mũi giáp công**”, “**3 vùng chiến lược**” của thế đứng “**2 chân**”... và khả năng công phá của đội quân tóc dài là những sáng tạo, những đúc kết kinh nghiệm của quá khứ được nâng cao, đã trở thành nghệ thuật của chiến tranh nhân dân thần thánh. Mỗi khi kẻ thù thay đổi chiến lược là quân và dân miền Đông và Cực Nam Trung bộ lại cùng các chiến trường chủ động tìm tòi, sáng tạo cách

đánh, nhanh chóng làm phá sản âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Từ thực tế chiến trường, thống tướng Mỹ Oét-mo-len đã phải thốt lên **“thật là chiến trường kỳ lạ”** khi đứng trước chiến khu Rừng Sác, một chiến trường ngay sát nách Sài Gòn.

Ngày nay, truyền thống đó càng được phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, đoàn kết nội bộ chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, gắn bó máu thịt với Nhân dân, thực hiện quân với dân một ý chí, không ngừng phát huy bản chất tốt đẹp và truyền thống vẻ vang của bộ đội Cụ Hồ.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc ta, một yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh tổng hợp, vì vậy trong bất cứ hoàn cảnh nào, lúc thường cũng như khi ra trận, cán bộ, chiến sĩ LLVT Quân khu luôn nêu cao tình thương yêu đồng chí, đồng đội, giúp đỡ nhau như ruột thịt. Đoàn kết trong LLVT Quân khu được thể hiện ở tinh thần phát huy dân chủ, đoàn kết hiệp đồng lập công tập thể, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đơn vị. Cán bộ chăm lo mọi mặt cho chiến sĩ; cấp dưới tôn trọng, phục tùng mệnh lệnh cấp trên; chiến sĩ tin cậy, bảo vệ cán bộ. Trên dưới đồng lòng, toàn Quân khu thành một khối vững chắc thống nhất ý chí và hành động. Bên cạnh đó, kỷ luật tự giác, nghiêm minh là truyền thống tốt đẹp, một trong những yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh chiến đấu của LLVT Quân khu. Truyền thống đó được thể hiện ở tính tự giác cao trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách của mỗi quân nhân; trong chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; trong chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên ở bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào. LLVT Quân khu đã và tiếp tục rèn luyện, xây dựng nếp sống đoàn kết kỷ luật, trở thành thói quen khi thực hiện nhiệm vụ của mỗi cá nhân và tập thể.

Đồng thời, trong chiến đấu, công tác và học tập, LLVT Quân khu luôn xây dựng tốt mối quan hệ đoàn kết gắn bó máu thịt với Nhân dân, tôn trọng, giúp đỡ, chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; một lòng, một dạ chiến đấu bảo vệ Nhân dân, giữ nghiêm kỷ luật quan hệ quân - dân, không phụ lòng tin yêu của Nhân dân.

Bốn là, luôn nêu cao tinh thần quốc tế cao cả, đoàn kết thủy chung, trọn nghĩa vẹn tình với bạn bè quốc tế.

Đoàn kết thủy chung son sắt, chí nghĩa, chí tình với bè bạn quốc tế đã trở thành truyền thống quý báu của Đảng, của Nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là truyền thống rất vẻ vang của LLVT Quân khu 7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, LLVT Quân khu luôn tăng cường củng cố tình đoàn kết với các nước láng giềng, nhất là nước bạn Campuchia, góp phần xây dựng tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc, tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau vì mục tiêu hòa bình, tiến bộ của nhân loại. Ngày nay, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực, trong nước, địa bàn Quân khu đang có nhiều diễn biến phức tạp, LLVT Quân khu hơn lúc nào hết cần phải

phát huy truyền thống cách mạng, phẩm chất cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên trì xây dựng, phát triển mối quan hệ đoàn kết hữu nghị với tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt là với nước bạn Campuchia, góp phần bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN từ sớm, từ xa.

IV. PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VỮ TRANG QUÂN KHU VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Những năm tới, tình hình thế giới, khu vực, tình hình Biển Đông tiếp tục có những diễn biến nhanh, phức tạp. Trong nước và địa bàn Quân khu, tình hình chính trị ổn định, KT-XH sau đại dịch Covid-19 sẽ phục hồi và phát triển, QP&AN được củng cố và tăng cường, đối ngoại rộng mở, đi vào chiều sâu; LLVT Quân khu tiếp tục được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; hệ thống chiến lược và những quyết sách lớn của Đảng, Nhà nước về quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới được triển khai, thực hiện đồng bộ. Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương luôn quan tâm chăm lo, Nhân dân đồng thuận, giúp đỡ tạo nhiều thuận lợi để LLVT Quân khu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp ở Biển Đông, ở biên giới phía Tây và vùng biển Tây Nam; sự can dự mạnh mẽ của các nước lớn đến khu vực Đông Nam Á và Biển Đông có tác động trực tiếp đến QPAN trên địa bàn Quân khu. Việc điều chỉnh tổ chức biên chế theo hướng tinh, gọn, mạnh, cổ phần hóa doanh nghiệp đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác tư tưởng, tổ chức và chính sách; các thế lực thù địch, phản động tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “DBHB”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa”, đòi “phi chính trị hóa” và “dân sự hóa” LLVT, trong đó địa bàn Quân khu luôn là một trọng điểm; thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường; tranh chấp đất đai, tranh chấp lao động, khiếu kiện, biểu tình, di dân tự do, tệ nạn xã hội,... còn diễn biến phức tạp. Đời sống của một bộ phận Nhân dân, gia đình cán bộ, chiến sĩ trên địa bàn còn khó khăn.

Với vai trò là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và bảo vệ Tổ quốc, trên địa bàn chiến lược trọng điểm phía Nam của Tổ quốc, Quân khu 7 phải luôn nêu cao cảnh giác, xây dựng ý chí quyết tâm, cùng toàn Đảng, toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, xứng đáng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất trong thời kỳ mới, LLVT Quân khu cần tập trung làm tốt một số nội dung trọng tâm sau:

1. Giữ vững tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong LLVT Quân khu trong sạch vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định để LLVT Quân khu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao là phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với LLVT Quân khu. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết TW 4 gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), Chỉ thị 855-CT/QUTW của Thường vụ Quân ủy Trung ương. Kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” nội bộ.

Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo 35 và Lực lượng 47 các cấp trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ, năng lực cao, có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, có trách nhiệm, trung thực, chân thành là tấm gương để quần chúng, cấp dưới noi theo; tiếp tục thực hiện hiệu quả Mô hình “3 nhất”, “Cán bộ, đảng viên đi đâu quần chúng và cấp dưới”; “Chi bộ 5 tốt, đảng viên 5 tốt”.

2. Thường xuyên quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh của QUTW, Bộ Quốc phòng. Chủ động nghiên cứu, hoàn chỉnh thể bố trí chiến lược trên địa bàn Quân khu. Tiếp tục đột phá nâng cao chất lượng công tác quân sự, quốc phòng địa phương; nâng cao năng lực tham mưu của cơ quan Quân khu, cơ quan quân sự địa phương các cấp. Chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và phối hợp với các lực lượng chức năng tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời, chính xác, không để bị động, bất ngờ.

3. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, quận, huyện và phòng thủ Quân khu vững chắc. Tăng cường các giải pháp gắn kết liên hoàn các lực lượng trong KVPT, “các đơn vị, địa phương tuyến sau tăng cường hỗ trợ cho đơn vị, địa phương tuyến trước, tuyến biên giới, biển, đảo”. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của cấp ủy, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, giải quyết kịp thời những bức xúc khó khăn của Nhân dân. Gắn phát triển kinh tế-xã hội với củng cố quốc phòng-an ninh, quốc phòng-an ninh với kinh tế-xã hội; tiếp tục triển khai thực hiện chủ trương phát triển kinh tế đường biên và kinh tế đối ngoại với lộ trình, bước đi, hình thức, cách làm phù hợp. Tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ bảo đảm đúng luật, đủ chỉ tiêu, có chất lượng cao, nhất là về chính trị, học vấn, sức khỏe. Nâng cao chất lượng Đảng viên nhập ngũ và bố trí, sử dụng có hiệu quả đảng viên sau xuất ngũ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa Quân khu với các địa phương.

4. Xây dựng LLVT Quân khu vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới, tổ chức tốt việc học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của trên, xây dựng chương trình hành động cụ thể. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đổi mới công tác giáo dục chính trị ở đơn vị trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực, kinh nghiệm, kỹ năng tiến hành công tác giáo dục, quản lý và phương pháp giải quyết những vấn đề tư tưởng nảy sinh. Tiếp tục xây dựng LLVT Quân khu theo hướng tinh, gọn, mạnh, ưu tiên đảm bảo quân số cho các đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ, biên giới, biển, đảo. Triển khai toàn diện các biện pháp xây dựng chính quy, giữ nghiêm kỷ luật và bảo đảm an toàn tuyệt đối trong LLVT Quân khu. Thực hiện quyết liệt các giải pháp về giáo dục và quản lý bộ đội. Tiếp tục cải cách hành chính quân sự, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ nhanh, gọn, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện hiệu quả các đề án, nâng cao năng lực bảo đảm hậu cần, quân y, vận tải; hỗ trợ để mở rộng các khu tăng gia sản xuất cho các đơn vị. Đẩy mạnh sản xuất

kinh doanh kết hợp với kinh tế quốc phòng, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, quảng bá rộng rãi sản phẩm. Nâng cao chất lượng công tác bảo đảm kỹ thuật, phát huy sức mạnh tổng hợp của khu vực phòng thủ và bảo đảm kỹ thuật. Bảo đảm đầy đủ, đồng bộ, kịp thời vũ khí trang bị kỹ thuật cho các nhiệm vụ; có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng hiệu quả vào sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, công tác; chủ động tiếp cận và áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

5. Tăng cường đối ngoại quốc phòng, góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước, Quân đội, LLVT Quân khu. Quán triệt, thực hiện nghiêm quan điểm, đường lối của Đảng về công tác đối ngoại, làm chuyển biến sâu sắc nhận thức, trách nhiệm của LLVT Quân khu và cấp ủy, chính quyền, địa phương về thực hiện chủ trương “Tăng cường, đoàn kết, giúp đỡ quân đội hoàng gia Campuchia và Nhân dân Campuchia”. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án của Quân ủy Trung ương, các kế hoạch, đề án của Quân khu về đối ngoại quốc phòng; đẩy mạnh công tác đối ngoại Nhân dân. Kịp thời giải quyết có hiệu quả các vụ việc phức tạp xảy ra trên tuyến biên giới; đẩy nhanh tiến độ tiến tới hoàn thành phân giới, cắm mốc trên tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia trên địa bàn Quân khu; tích cực tổ chức tuần tra song phương, tìm kiếm hài cốt liệt sỹ, phòng chống dịch trên tuyến biên giới. Tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong Quân khu với cơ quan, tổ chức, các ban, ngành ở Trung ương và địa phương của bạn, đặc biệt là trong bảo vệ chủ quyền, biên giới, biển, đảo... nâng cao khả năng dự báo chiến lược, năng lực tham mưu, chỉ đạo, quản lý, điều hành, phối hợp và tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại quốc phòng, hội nhập quốc tế về quốc phòng góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

*

Kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống Quân khu 7 đúng vào dịp toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang ra sức thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng kỷ niệm 76 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 – 22/12/2020), 31 năm Ngày Hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 – 22/12/2020), tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Phát huy truyền thống **“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”**, hơn lúc nào hết, LLVT Quân khu 7 luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước, Nhân dân, nâng cao cảnh giác, mài sắc ý chí chiến đấu, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần giữ vững môi trường hòa bình ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Luôn thương yêu đồng chí, kính trọng Nhân dân, gắn bó thủy chung với bè bạn quốc tế; nêu gương sáng, phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” để không phụ lòng tin yêu, kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân./.

Phụ lục**PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ, NHỮNG TRẬN ĐÁNH VÀ CHIẾN CÔNG
TIÊU BIỂU CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VÀ NHÂN DÂN QUÂN KHU 7****I. PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ****1. Tập thể**

Tháng 2/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng quân và dân Nam bộ Danh hiệu:
THÀNH ĐỒNG TỔ QUỐC.

QUÂN KHU 7

- 02 Huân chương Sao vàng.
- 02 Huân chương Hồ Chí Minh.
- 01 Huân chương Quân công hạng nhất.
- 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng nhất.

CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**Huân chương Sao vàng:**

- Nhân dân và lực lượng vũ trang Thành phố Hồ Chí Minh (02 Huân chương năm 1990 và 2010).
- Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Long An.
- Nhân dân và lực lượng vũ trang Đặc khu Vũng Tàu- Côn Đảo (sau là tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu).
- Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai.
- Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận (02 Huân chương).
- Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Sông Bé (sau tách thành tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước).
- Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh.

Huân chương Hồ Chí Minh:

- Lực lượng vũ trang thành phố Hồ Chí Minh.
- Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai.
- Lực lượng vũ trang tỉnh Sông Bé (sau tách thành tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước).
- Lực lượng vũ trang tỉnh Long An.
- Lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng.
- Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận.
- Lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh.
- Lực lượng vũ trang Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (sau là tỉnh BR-VT).
- Mặt trận 479 Quân khu 7.
- Mặt trận 779 Quân khu 7.

- Sư đoàn bộ binh 5, Quân khu 7.

Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân: 841 tập thể (trong đó có Lữ đoàn Công binh 25, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Trung đoàn 271/fBB5 là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân thời kỳ đổi mới).

Huân chương Thành đồng Tổ Quốc:

- Tỉnh Bình Thuận: 07 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).
- Tỉnh Lâm Đồng: 06 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).
- Thành phố Hồ Chí Minh: 03 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).
- Tỉnh Đồng Nai: 13 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).
- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: 05 (*hạng Nhì, Ba*).
- Sư đoàn bộ binh 5: 01 (*hạng Nhì*).

Huân chương Độc lập: 03 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).

Huân chương Quân công: 1.213 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).

Huân chương Chiến công: 5.524 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).

Huân chương Bảo vệ Tổ quốc: 53 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).

Huân chương Lao động: 09 (*hạng Nhất, Nhì, Ba*).

Cờ thưởng của Chính phủ: 23.

Cờ thưởng của Bộ Quốc Phòng: 212.

Nhà nước Campuchia tặng cho các đơn vị:

- Huân chương Ăngco: 3.
- Huân chương Hữu nghị (Hạng Thập hạ dân và Sêna): 25

2. Cá nhân

- 2 đồng chí được tặng Huân chương Hồ Chí Minh.
- 534 đồng chí được Tuyên dương Danh hiệu *Anh hùng LLVTND*.
- 17684 Bà Mẹ được Tuyên dương danh hiệu *Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng*.

(Trong đó có 109 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng có từ 5 liệt sỹ (chồng, con) trở lên. Đặc biệt Mẹ Nguyễn Thị Rành ở Phước Hiệp – Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh có 8 con, 2 cháu và bản thân là liệt sỹ; Mẹ Nguyễn Thị Ngon ở An Nhơn Tây – Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh có 7 con là liệt sỹ).

- 557 đồng chí được Tặng Huân chương Độc lập.
- 2.365 đồng chí được Tặng Huân chương Quân công (hạng nhất, nhì, ba).
- 46.897 đồng chí được Tặng Huân chương Chiến công (hạng nhất, nhì, ba).
- 23.427 đồng chí được Tặng Huân chương, Huy chương Kháng chiến chống Pháp.
- 146.928 đồng chí được Tặng Huân chương, Huy chương Kháng chiến chống Mỹ.
- 201.330 đồng chí được Tặng Huân chương, Huy chương Chiến sỹ giải phóng.

- 1.804 đồng chí được Tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc.
- 5 đồng chí được Tặng thưởng Huân chương Lao động.
- 2 đồng chí được Tặng thưởng Huân chương Dũng cảm.
- 232.148 đồng chí được Tặng Huân chương, Huy chương Chiến sỹ vẻ vang.
- 27.003 đồng chí được Tặng Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.
- 61 đồng chí được Tặng Huy chương vì sự nghiệp Khoa học công nghệ.
- 9 đồng chí được Tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục.
- 12 đồng chí được Tặng Huy chương vì sự nghiệp bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc.
- 70 đồng chí được Tặng Huy chương vì sự nghiệp Giải phóng phụ nữ.
- 1849 đồng chí được Tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp vũ trang quần chúng.
- 588 đồng chí được Tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam.
- 328 đồng chí được Tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Lao động thương binh và xã hội.
- 45 đồng chí được Tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Bảo hiểm xã hội.
- 18 đồng chí được Tặng danh hiệu Thầy thuốc Nhân dân.
- 61 đồng chí được Tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú.
- 12 đồng chí được Tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.
- 14 đồng chí được Tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú.

Ngoài ra, trong lực lượng vũ trang Quân khu có hàng ngàn điển hình tiên tiến được tôn vinh ở các cấp; hàng ngàn tập thể, cá nhân được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen khác.

II. DANH HIỆU VÀ CHỮ VÀNG TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ

1. Bộ Tham mưu Quân khu: “Mưu trí sáng tạo, hiệp đồng chặt chẽ, chính xác kịp thời, đoàn kết quyết thắng”.
2. Tiểu đoàn Trinh sát 47/BTM Quân khu: “Trung thành dũng cảm, mưu trí sáng tạo, bí mật bất ngờ, luôn sẵn sàng đánh giặc”.
3. Cục Chính trị Quân khu: “Trung thành kiên định, chủ động sáng tạo, nguyên tắc dân chủ, đoàn kết quyết thắng”.
4. Báo Quân khu: “Trung thành dũng cảm, tận tụy sáng tạo, chính xác kịp thời”.
5. Bảo tàng Quân khu: “Trung thành tận tụy, đoàn kết kỷ luật, khoa học thực tiễn”.
6. Cục Hậu cần Quân khu: “Chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, kịp thời đồng bộ, an toàn tiết kiệm”.
7. Trung đoàn 657/Cục Hậu cần: “Chủ động sáng tạo, đoàn kết hiệp đồng, vận tải an toàn, lập công xuất sắc”.

8. Bệnh viện 7A: “Vững vàng y lý, rèn luyện tinh thần, sáng tạo y đức, đoàn kết phát triển”.

9. Bệnh viện 7B: “Tích cực chủ động, giữ vững y đức, đoàn kết thống nhất, đổi mới phát triển”.

10. Bệnh viện Quân dân y Miền Đông: “Phát huy nội lực, đoàn kết hiệp đồng, nâng cao y đức, hết lòng vì dân”.

11. Phòng Tài Chính Quân khu: “Chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, chính xác kịp thời, tiết kiệm hiệu quả”.

12. Kho VK102/Cục Hậu cần: “Chủ động sáng tạo, nghiệp vụ tinh thông, kịp thời đầy đủ, an toàn chính xác”.

13. Cục Kỹ thuật: “Chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”.

14. Xưởng OX1/Cục Kỹ thuật: “Năng động sáng tạo, chất lượng chính quy, đoàn kết quyết thắng”.

15. Kho K6/CKT Quân khu “Đoàn kết, sáng tạo, an toàn, hiệu quả”.

16. Quân và dân thành phố Hồ Chí Minh: “Thành Phố Hồ Chí Minh-Thành Phố Anh hùng”.

17. Lực lượng vũ trang thành phố Hồ Chí Minh: “Trung thành vô hạn, bám trụ kiên cường, đoàn kết kỷ cương, năng động sáng tạo, quyết chiến quyết thắng”.

18. Lực lượng biệt động Sài Gòn - Gia Định: “Đoàn kết một lòng, mưu trí vô song, dũng cảm tuyệt vời, trung kiên bất khuất”.

19. Quân và dân huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh): “Củ Chi đất thép thành đồng”.

20. Trung đoàn Gia Định, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh: “Đi là chiến thắng, đánh là dứt điểm”.

21. Quân và dân tỉnh Long An: “Long An trung dũng kiên cường, toàn dân đánh giặc”.

22. Lực lượng vũ trang tỉnh Long An: “Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, bám trụ kiên cường, đoàn kết quyết thắng”.

23. Quân và dân tỉnh Tây Ninh: “Tây Ninh trung dũng kiên cường”.

24. Lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh: “Trung dũng kiên cường, năng động sáng tạo, đoàn kết quyết thắng”.

25. Quân và dân tỉnh Bình Thuận: “Tự lực tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang”.

26. Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận: “Tự lực, tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang”.

27. Lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: “Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, đoàn kết kỷ luật, gắn bó nghĩa tình, thắng lợi vẻ vang”.

28. Trung đoàn Minh Đạm/Bộ CHQS tỉnh BR-VT: “Kiên định vững vàng, đoàn kết kỷ luật, trách nhiệm nghĩa tình, toàn diện vững chắc”.

29. Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương: “Trung dũng kiên cường, chủ động sáng tạo, đoàn kết quyết thắng”.

30. Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Phước: “Trung dũng kiên cường, chủ động sáng tạo, đoàn kết, quyết thắng”.

31. Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai: “Trung hiếu sắt son, dũng cảm kiên cường, chủ động sáng tạo, đoàn kết quyết thắng”.

32. Trung đoàn Đồng Nai: “Tuyệt đối trung thành, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”.

33. Lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng: “Trung thành vô hạn, tự lực tự cường, đoàn kết kỷ cương, quyết chiến quyết thắng”.

34. Sư đoàn bộ binh 5: “Đoàn kết trung dũng, cơ động linh hoạt, tự lực tự cường, đánh thắng mọi kẻ thù”.

35. Trung đoàn bộ binh 4, Sư đoàn 5: “Kiên cường bám trụ, lấy lòng chiến công”.

36. Trung đoàn bộ binh 5, Sư đoàn 5: “Vượt mọi khó khăn, liên tục đánh thắng”

37. Trung đoàn 271, Sư đoàn 5: “Tích cực chủ động, khắc phục khó khăn, tự lực, tự cường, chiến đấu dũng cảm, đoàn kết tốt, kỷ luật nghiêm, tiến bộ vững chắc”.

38. Sư đoàn bộ binh 302: “Đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn, quyết chiến quyết thắng”.

39. Trung đoàn 88, Sư đoàn 302: “Đoàn kết keo sơn, xuất quân thần tốc, kiên cường dũng cảm, liên tục tiến công, đánh thắng diệt gọn, tự lực tự cường, chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn, lệnh đâu đi đấy, khó mấy cũng hoàn thành”.

40. Trung đoàn 201, Sư đoàn 302: “Vượt mọi khó khăn, chủ động sáng tạo, kiên cường bám trụ, liên tục đánh thắng”.

41. Trung đoàn 429, Sư đoàn 302: “Đoàn kết xốc tới, tự lực tự cường, thọc sâu đi trước, bám chắc Nhân dân, cán bộ dẫn đầu, đánh mọi đối tượng, chiến thắng vẻ vang”.

42. Sư đoàn 317 “Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, sẵn sàng động viên, chiến đấu thắng lợi”.

43. Trường Quân sự Quân khu 7: “Chủ động sáng tạo, bám sát thực tiễn, dạy tốt, học tốt, liên tục trưởng thành”.

44. Lữ đoàn 23: “Chiến đấu dũng cảm, công tác tận tụy, đoàn kết keo sơn, thông tin thông suốt”.

45. Lữ đoàn 25: “Vượt mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ”.

46. Lữ đoàn 26: “Đoàn kết sáng tạo, tự lực tự cường, đã ra quân là đánh thắng”.

47. Lữ đoàn 75: “Xung kích, đánh giỏi, bắn trúng, toàn năng, khoa học, sáng

ạo, tự lực, tự cường”.

48. Lữ đoàn 77: “Cơ động linh hoạt, bám trụ kiên cường, đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể”.

49. Trường bắn QGKV3: “Chủ động sáng tạo, đoàn kết hiệp đồng, an toàn tuyệt đối”.

50. Công ty Đông Hải: “Đoàn kết, năng động sáng tạo, sản xuất kinh doanh hiệu quả, quốc phòng - an ninh vững chắc, phát triển bền vững”.

51. Công ty Dệt May 7 “Chủ động, sáng tạo, đoàn kết, quyết thắng”.

52. Công ty Tây Nam: “Chủ động sáng tạo, đoàn kết thống nhất, hội nhập phát triển”.

III. NGÀY TRUYỀN THỐNG CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ TRONG LLVT QUÂN KHU

TT	ĐƠN VỊ	NGÀY TRUYỀN THỐNG
1.	Quân khu 7	10-12-1945
2.	Bộ Tham mưu Quân khu	20-02-1946
3.	Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu	20-02-1946
4.	Phòng Thông tin - Bộ Tham mưu QK	14-08-1961
5.	Tiểu đoàn Đặc công 60/Bộ Tham mưu QK	06-01-1989
6.	Tiểu đoàn Trinh sát 47/Bộ Tham mưu QK	28-10-1964
7.	Tiểu đoàn PH38/Bộ Tham mưu QK	27-06-1989
8.	Tiểu đoàn CHPB10/Bộ Tham mưu QK	06-11-1999
9.	Tiểu đoàn CV 180/Bộ Tham mưu QK	01-04-1970
10.	Trạm khách T67	19-05-1983
11.	Cục Chính trị Quân khu	20-02-1946
12.	Báo-Truyền hình Quân khu	01-11-1963
13.	Bảo tàng Quân khu	05-02-1988
14.	Đoàn Văn công QK	20-12-1962
15.	Đoàn An điều dưỡng 28/Cục Chính trị Quân khu	15-01-1970
16.	Cục Hậu Cần Quân khu	20-02-1946
17.	Phòng Tài chính Quân khu	30-11-1947
18.	Trung đoàn 657/Cục Hậu cần QK	10-03-1981
19.	Kho VK102/Cục Hậu cần Quân khu	26-02-1974
20.	Kho Tổng hợp K60/Cục Hậu cần QK	09-12-1987
21.	Bệnh viện Quân dân miền Đông	30-04-2002
22.	Bệnh viện 7A Cục Hậu cần QK	20-05-1976
23.	Bệnh viện 7B Cục Hậu cần QK	15-10-1972

TT	ĐƠN VỊ	NGÀY TRUYỀN THÔNG
24.	Xí nghiệp May Cúc Hậu cần QK	15-06-1976
25.	Cục Kỹ thuật Quân khu	21-05-1979
26.	Kho K6/Cục Kỹ thuật QK	16-12-1976
27.	Kho 75/Cục Kỹ thuật QK	20-12-1975
28.	Xưởng Z735/Cục Kỹ thuật	24-09-1993
29.	Bộ Tư lệnh TP.Hồ Chí Minh	04-09-1945
30.	Khu Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi	19-12-1995
31.	Trường Quân sự Thành phố/Bộ Tư lệnh TP.HCM	19-05-1951
32.	Trung đoàn 10/Bộ Tư lệnh Tp.Hồ Chí Minh	15-04-1966
33.	Trung đoàn Gia Định/Bộ Tư lệnh TP.HCM	30-05-1959
34.	Tiểu đoàn Thiết giáp/Bộ Tư lệnh Tp.Hồ Chí Minh	27-02-1992
35.	Tiểu đoàn KSQS 31/Bộ Tư lệnh TP.HCM	15-07-1970
36.	Bộ CHQS tỉnh Long An	22-08-1945
37.	Trung đoàn 738/Bộ CHQS tỉnh Long An	05-03-1981
38.	Bộ CHQS tỉnh Tây Ninh	05-03-1946
39.	Trung đoàn 174/Bộ CHQS tỉnh Tây Ninh	19-08-1949
40.	Bộ CHQS tỉnh Bình Thuận	25-08-1945
41.	Trung đoàn 812/Bộ CHQS tỉnh Bình Thuận	25-06-1946
42.	Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai	15-05-1946
43.	Trung đoàn Đồng Nai/Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai	10-10-1989
44.	Bộ CHQS tỉnh BR-VT	09-03-1946
45.	Trung đoàn Minh Đạm/Bộ CHQS BR-VT	15-08-1995
46.	Bộ CHQS tỉnh Lâm Đồng	23-08-1945
47.	Trung đoàn 994/Bộ CHQS tỉnh Lâm Đồng	28-03-1997
48.	Bộ CHQS tỉnh Bình Dương	25-11-1945
49.	Trung đoàn 6/Bộ CHQS tỉnh Bình Dương	01-05-1970
50.	Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	25-12-1945
51.	Trung đoàn 736/Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	06-04-1981
52.	Sư đoàn 5	23-11-1965
53.	Trung đoàn 4/Sư đoàn 5	03-02-1965
54.	Trung đoàn 5/Sư đoàn 5	31-05-1965
55.	Trung đoàn 271/Sư đoàn 5	18-12-1947
56.	Sư đoàn 302	16-12-1977

TT	ĐƠN VỊ	NGÀY TRUYỀN THỐNG
57.	Trung đoàn 88/Sư đoàn 302	01-07-1949
58.	Trung đoàn 201/Sư đoàn 302	25-10-1970
59.	Trung đoàn 429/Sư đoàn BB302	04-02-1969
60.	Sư đoàn 317	06-03-1979
61.	Trung đoàn 742/Sư đoàn 317	19-05-1979
62.	Trung đoàn 747/Sư đoàn 317	23-09-1978
63.	Trung đoàn 775/Sư đoàn 317	20-07-1975
64.	Lữ đoàn TT23	02-04-1976
65.	Lữ đoàn CB25	06-04-1976
66.	Lữ đoàn TTG26	10-06-1976
67.	Lữ đoàn PB75	31-10-1964
68.	Lữ đoàn PK77	01-10-1973
69.	Trường bắn QGKV3	04-09-1982
70.	Trường Quân sự QK	12-12-1945
71.	Trường Cao đẳng Quân y II	30-08-1977
72.	Trường Cao đẳng Nghề số 7	15-03-1993
73.	Công ty Đông Hải	09-01-1990
74.	Công ty Dệt may 7	28-02-1992
75.	Công ty Tây Nam	15-05-2000
76.	Khách sạn Tân Sơn Nhất/Công ty Tây Nam	24-09-1989
77.	Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 778	20-07-1978
78.	Đoàn KTQP Lâm Đồng	17-11-2004

IV. NHỮNG TRẬN ĐÁNH VÀ CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VÀ NHÂN DÂN QUÂN KHU 7

1. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Trên chiến trường miền Đông và trên địa bàn 2 tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng có một số trận đánh tiêu biểu sau:

- Trận Trung Hưng- Ràng diệt và làm bị thương 300 tên, đốt 14 xe, thu 2 súng 12,7 ly, 6 trung liên và hàng trăm súng trường.

- Từ ngày 11 đến 12/11/1945, 2 Trung đội Vệ quốc quân thực hiện trận phục kích trên quốc lộ 20 tại đèo B'Lao (Lâm Đồng), tiêu diệt 30 tên Nhật, phá hủy 1 xe.

- 14/07/1947, Chi đội 10 tiến công đoàn xe lửa địch ở Bầu Cá (trên đường Biên Hòa - Phan Thiết) diệt 200 tên, thu 70 súng.

- Tháng 1/1948: đánh bại cuộc hành quân “Vê ga” của 11 tiểu đoàn địch có

máy bay, đại bác, xe bọc thép lội nước yểm trợ.

- 19/03/1948: Trung đoàn 310 (*Biên Hòa*) phục kích đoàn xe quân sự tại La Ngà-Định Quán, phá hủy gần 70 xe, diệt 150 tên (*trong 25 sĩ quan có đại tá Pa-Ruyt, Tổng Tham mưu phó quân đội viễn chinh Pháp và đại tá Đờ-sê-ri-nhê, chỉ huy sư đoàn lê dương số 13*).

- 15/04/1948 trận Láng Le-Bầu Cò đánh tan cuộc càn 3000 quân của địch (*chủ yếu là Âu phi*) diệt 300 tên, thu 85 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự.

- 10/04/1948: Bốn chiến sĩ Mạc Thị Loan, Hoàng Thị Thanh, Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thị Huệ thuộc Trung đội nữ biệt động Minh Khai, tiến công rạp chiếu bóng Ma – giết - tích (*Sài Gòn*) bằng lựu đạn, diệt và làm bị thương 50 tên sĩ quan thủy binh Pháp.

- 25/06/1950 đánh thủy lôi (*từ mìn Nhật cải tiến*) tại Vàm Bà Nghĩa Rừng Sác hạ tàu hậu càn 7000 tấn của Pháp (*tàu lớn nhất bị hạ trong chống Pháp*).

- Tháng 06/1951: Tổ đặc công (*5 chiến sĩ*) Tiểu đoàn 300 tỉnh Bà Chợ tập kích kho xăng Nhà Bè, thiêu hủy hơn nửa triệu lít xăng của địch.

- 28/12 /1951: Trận tập kích cú điểm căng Ê-Sê- Pích (*thị xã Phan Thiết, Bình Thuận*) của tiểu đoàn 86 Bình Thuận, diệt và làm bị thương 150 tên (*trong 64 sĩ quan có một quan 5*), thu 120 súng trường, 20 tiểu liên, 5 trung liên, 1 máy thông tin.

- 21/07/1953 biệt động Vũng Tàu tấn công khách sạn Centre de Repos (*Trung tâm an dưỡng của sĩ quan Pháp*) diệt 22 sĩ quan Pháp (*có 1 quan 5 và 2 quan tư*).

- 03/1954: Đại đội đặc công 205 tập kích kho bom Phú Thọ Hòa (*Sài Gòn*) thiêu huỷ 10.000 tấn bom và thuốc nổ, 10 triệu lít xăng dầu, diệt 1 đại đội Âu Phi không cho địch tập trung tiếp tế phương tiện chiến tranh đến Điện Biên Phủ.

- Từ tháng 09/1953 đến tháng 05/1954, riêng các đơn vị thuộc miền Đông đã đánh 2.133 trận lớn nhỏ, tiêu diệt và bức hàng 197 đồn bót, tháp canh. Chỉ tính riêng 5 tháng đầu năm 1954, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ, miền Đông đã diệt 61 đồn bót và 102 tháp canh, bức rút 398 đồn bót, tháp canh, giết và làm bị thương, bắt sống 9.699 tên, trong đó có 150 sĩ quan (*125 bị chết*); 8 đại đội bị tiêu diệt hoàn toàn, 7 đại đội bị tiêu hao nặng, đánh chìm 37 tàu, diệt 70 xe cơ giới, thu 2.632 súng các loại.

2. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

- Đêm 25 rạng 01/1960 quân dân Tây Ninh bí mật áp sát và bất ngờ tấn công sở chỉ huy Trung đoàn địch tại Tua Hai, nhan chóng chiếm kho súng, lựu vũ khí địch để đánh địch; bắt sống, diệt và làm tan rã 2 tiểu đoàn địch; thả tại chỗ 500 tù binh, thu hơn 1200 súng các loại và nhiều đạn dược, phá hủy nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh. Sau đó, quân và dân ta tiếp tục đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang, binh vận, gỡ bỏ các đồn bót địch, giải phóng hoàn toàn 24 xã và cơ bản giải phóng 19 xã của tỉnh Tây Ninh; làm tan rã hơn 70% bộ máy chính quyền và dân vệ xã, ấp của địch.

- Ngày 08/11/1965: Ta thực hiện trận Đất Cuốc, lần đầu tiên trên chiến trường B2 đánh tiêu diệt tiểu đoàn Mỹ.

- Ngày 11/11/1965, Sư đoàn 9 đánh trận Bầu Bàng do Sư trưởng Hoàng Cầm chỉ huy đã diệt cụm quân hỗn hợp thuộc Sư đoàn Anh cả đò của Mỹ có xe tăng đóng

đã chiến, loại khỏi vòng chiến đấu 2.040 Mỹ, hai chiến đoàn thiết giáp, hủy 12 pháo.

- Ngày 27/11/1965, Sư đoàn 9 và lực lượng vũ trang địa phương thực hiện chiến dịch Dầu Tiếng, diệt chiến đoàn 7 (*lần đầu tiên ta diệt 1 chiến đoàn nguy*).

- Trong cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất, quân dân Củ Chi đánh bại cuộc hành quân mang tên Grim (*từ 08/01 - 19/01/1966*) của 12.000 quân Mỹ, giết và làm bị thương 1.500 tên. Từ đó đúc kết 10 khả năng đánh được Mỹ của chiến tranh Nhân dân.

- Ba vành đai diệt Mỹ lớn nhất ở miền Đông lần lượt ra đời: Trảng Lớn (*Tây Ninh*), Bắc Hà (*Đồng Dù, Củ Chi*), Rạch Kiến (*Long An*).

- Ngày 23/08/1966: Bộ đội Rừng Sác đánh chìm tàu vận tải của Mỹ (*Tàu Ru-Giovic-to-ry*) và sau đó là nhiều tàu chiến địch, gây khó khăn rất lớn cho đường tiếp tế từ biển vào của Mỹ.

- Những trận đánh hiểm của Biệt động Sài Gòn tấn công khách sạn Metropol, Caravelle, tòa đại sứ Mỹ (*lần 1*), khách sạn Brink..., gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

- Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ 2, quân dân miền Đông đã bẻ gãy 2 gọng kìm **“*Tìm diệt và bình định*”** của địch bằng 3 cuộc hành quân: At - ten-bô-rơ ở Bắc Tây Ninh; Xê-đa-phôn ở vùng tam giác sắt (*Bắc-Tây bắc Sài Gòn*) từ 08/01 đến 26/01/1967 với 30.000 quân Mỹ tham gia và Gian-xơn-xi-ti ở bắc Tây Ninh, tập trung vào chiến khu Dương Minh Châu từ 22/02-15/03/1967 (*cuộc hành quân trên bộ lớn nhất của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam*). Địch huy động 45.000 quân, chủ yếu là Mỹ; đánh trên một diện tích 400km². Lực lượng ta chỉ có 500 du kích cơ quan, Sư đoàn 9 thiếu, Trung đoàn 16 và đơn vị bảo vệ khu vực. Quân dân ta đã tiêu diệt và làm bị thương ¼ lực lượng địch, kế hoạch và mục tiêu của chúng không đạt được.

Đêm 04/12/1966, đặc công, biệt động F100 Sài Gòn kết hợp Tiểu đoàn 6 Bình Tân tấn công sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy và làm hư hỏng hơn 150 máy bay.

- Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, quân dân miền Đông và cực Nam Trung bộ đã đánh 315 trận (*16 trận cấp trung đoàn*), loại 13 tiểu đoàn và 35 đại đội địch, tiêu hao nặng 7 tiểu đoàn khác, bắn chết tên tướng 3 sao Két u-a khi hấn ngồi trên máy bay thị sát mặt trận Lộc Ninh.

Trong giai đoạn **“*Việt Nam hóa chiến tranh*”** (1969 đến 27/01/1973) mặc dù Mỹ phải từng bước rút quân nhưng trên chiến trường miền Đông vẫn còn tập trung 40% quân Mỹ và chur hầu, 30 % lực lượng quân nguy ở miền Nam. LLVT miền Đông vẫn bám trụ kiên cường, chịu đựng hy sinh, gian khổ, thực hiện phương châm vừa tác chiến vừa củng cố xây dựng lực lượng, chuẩn bị thế và lực mới cho cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

- Năm 1969, ta đánh địch cả bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đến mùa hè 1970 (*từ 28/03 – 30/06/1970*), trên chiến trường biên giới Campuchia, ta loại 17.000 quân Mỹ, nguy, bắn hỏng, bắn cháy trên 1.500 xe quân sự (*có 70 xe tăng và xe bọc thép*), bắn rơi 20 máy bay.

- Từ 04/02–31/05/1971, ta đánh bại cuộc hành quân **“*Toàn thắng 01/71 NB*”** của quân nguy.

- Trong chiến dịch đường 14 - Phước Long từ 14/12/1974 đến 06/01/1975. Đoàn 77 tham gia chiến dịch: 02 trung đoàn, 06 Tiểu đoàn cao xạ và 01 đại đội tên lửa A72 đã chi viện đặc lực cho các lực lượng vũ trang ba thứ quân, làm chủ vùng trời, bắn rơi và phá hủy 15 máy bay.

- Ngày 06/01/1975, được sự hỗ trợ của toàn chiến trường B2, với tinh thần chớp thời cơ phát triển tiến công, trên mặt trận chính đường 14 - Phước Long, chủ lực Miền đã giành thắng lợi lớn, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Lần đầu tiên ở miền Nam ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh ở sát phía bắc Sài Gòn mà quân nguy, Mỹ không thể tái chiếm. Sự kiện này đã trở thành một “đòn trình sát chiến lược” trước cuộc Tổng tiến công mùa xuân 1975.

- Trong chiến dịch Hồ Chí Minh cùng với bốn quân đoàn chủ lực 1, 2, 3, 4 và Binh đoàn Tây Nam (232) tiến công Sài Gòn từ các hướng bắc, đông, tây bắc và nam, tây nam. 26.000 đặc công biệt động của Miền và Sài Gòn - Gia Định nhanh chóng chiếm lĩnh các đầu cầu, trục giao thông chính, mở đường cho các quân đoàn tiến đánh Sài Gòn.

Sư đoàn 6 Quân khu 7 trong đội hình Quân đoàn 4 tiến đánh trên trục lộ số 1, thị xã Biên Hòa, cùng sư đoàn 341 chiếm các mục tiêu: Bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, Bộ tư lệnh sư đoàn 5 không quân và sân bay Biên Hòa, sau đó tiến về mục tiêu đỉnh Độc Lập.

Sư đoàn 5 trong đội hình Đoàn 232 tiến công xuống Tân An, Thủ Thừa, cắt đứt lộ 4 từ Bến Lức đi Tân An, bịt đường rút chạy của địch về đồng bằng sông Cửu Long. Để thực hiện được mũi tiến công hiểm yếu này, Sư đoàn 5 đã thực hiện một kỳ công chưa từng có là đưa pháo và thiết giáp vượt qua Đồng Tháp Mười sinh lầy.

Lực lượng vũ trang Thành đội Sài Gòn - Gia Định phối hợp với chủ lực, đặc công, biệt động phát triển đánh chiếm trên các hướng vùng ven về Tân Sơn Nhất, Bà Quẹo, Quán Tre, xa lộ Sài Gòn và chốt chặn cửa sông Nhà Bè.

Lực lượng vũ trang các địa phương cùng nhân dân nổi dậy, tự lực hoặc phối hợp với bộ đội trên về giải phóng địa phương. Riêng tỉnh Tây Ninh đã tự giải phóng trước Sài Gòn bằng các lực lượng địa phương./.